

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T; cư trú tại thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; cư trú tại thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 20 tháng 01 năm 1981. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn P, xã A. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng

khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà Đỗ Thị T đã đến nhà con trai ở cùng thôn P, xã A, sống ly thân với ông Nguyễn Văn Đ; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Đỗ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Cao C – sinh năm 1982, Nguyễn Xuân K - sinh năm 1985 và Nguyễn Ngọc K1 – sinh năm 1987; các con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như bà Đỗ Thị T đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi lúc có những va chạm nhỏ trong cuộc sống; hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Nay bà Đỗ Thị T xin ly hôn, ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý; đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như bà Đỗ Thị T trình bày là đúng; các con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Các con chung Nguyễn Cao C – sinh năm 1982, Nguyễn Xuân K - sinh năm 1985 và Nguyễn Ngọc K1 – sinh năm 1987 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống. Về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Đỗ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Ông Nguyễn Văn Đ có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã

xác định bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 20 tháng 01 năm 1981. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Bị đơn có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng; vắng mặt tại buổi hòa giải, tại phiên tòa nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có 03 con chung Nguyễn Cao C – sinh năm 1982, Nguyễn Xuân K - sinh năm 1985 và Nguyễn Ngọc K1 – sinh năm 1987 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không xét

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Đỗ Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Cao C – sinh năm 1982, Nguyễn Xuân K - sinh năm 1985 và Nguyễn Ngọc K1 – sinh năm 1987 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Đỗ Thị T.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (ĐKKH số 11/1981);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch